**Mẫu số: D21-THADS**
*(Ban hành theo Thông tư số 04 /2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)*

CỤC THADS TỈNH QUẢNG NAM
**CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
**HUYỆN DUY XUYÊN**

Số: 539/TB-CCTHADS

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Duy Xuyên, ngày 27 tháng 8 năm 2024*

# THÔNG BÁO
## Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

*Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Bản án số 29/2024/HSST ngày 08/4/2024 của TAND huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam;*

*Căn cứ Quyết định thi hành án số 700/QĐ-CCTHADS ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên;*

*Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 34 ngày 19/8/2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên;*

*Căn cứ Biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 23/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.*

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản đối với tài sản kê biên của ông Huỳnh Tấn Thọ và bà Lê Thị Hạnh, địa chỉ: Thôn Câu Lâu Tây, xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam như sau:

**I. Tên, địa chỉ của người có tài sản thẩm định giá:**

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ: Số 414 đường Hùng Vương, Khối phố Mỹ Hòa, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

**II. Tên tài sản thẩm định giá:**

Xe mô tô hiệu Wave Alpha đã qua sử dụng, biển kiểm soát số 92FA-046.93 màu xám trắng, số máy JA70E0132721, số khung RLHJA393PY705195, loại xe hai bánh, dung tích xi lanh 109cm$^2$, nhãn hiệu Honda, đăng ký chứng nhận mang tên Huỳnh Tấn Thọ.

**III. Yêu cầu về hồ sơ của tổ chức thẩm định giá gồm:**

- Là Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam được Bộ Tài chính công bố đủ điều kiện thẩm định giá theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính;

- Có văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá; hồ sơ năng lực (Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; dịch vụ công ty cung cấp; mô hình, quy trình thực hiện; nhân sự; giấy tờ pháp lý; dự án tiêu biểu, …); Bảng tiêu chí tổ chức thẩm

định giá tự chấm điểm, đánh giá (Bảng tiêu chí gửi kèm theo Thông báo) và các tài liệu khác có liên quan.

Tổ chức thẩm định giá cung cấp bản chính hoặc sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành. Cơ quan Thi hành án dân sự không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức thẩm định giá tài sản không được lựa chọn.

**IV. Thời gian, địa điểm, hình thức nộp hồ sơ:**

**1. Thời gian nộp hồ sơ:**

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ thời điểm đăng tải thông báo trên trang thông tin điện tử Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam và cổng thông tin điện tử Tổng cục Thi hành án dân sự.

**2. Địa điểm và hình thức nộp hồ sơ:**

Nộp trực tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ: Số 414 đường Hùng Vương, Khối phố Mỹ Hòa, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Vậy, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam thông báo công khai cho các tổ chức thẩm định giá tài sản biết, đăng ký tham gia./.

***Nơi nhận:***
- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Duy Xuyên;
- Chi cục trưởng;
- Lưu: VT, HSTHA.

**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Nguyễn Văn Trị**

**TÊN DN:……..**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

*……, ngày……tháng…..năm 2024*

# BẢNG TIÊU CHÍ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM

| STT | NỘI DUNG | TIÊU CHÍ LỰA CHỌN | ĐIỂM CHUẨN | ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| **TỔNG** | | | **100** | | |
| **1** | **Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)** | | **15** | | |
| 1 | Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản | Có 02 chi nhánh trở lên | 5 | | - Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp;<br>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.<br>- Thông báo của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản hàng năm. |
| | | Chỉ có 01 chi nhánh | 4 | | |
| | | Không có chi nhánh | 3 | | |
| **2** | Doanh nghiệp có thẩm định viên hàng nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề | Trên 07 thẩm định viên | 5 | | |
| | | Từ 05 đến 07 thẩm định viên | 4 | | |
| | | Dưới 05 thẩm định viên | 3 | | |
| **3** | Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá | Trên 05 năm | 5 | | |
| | | Từ 03 đến 05 năm | 5 | | |
| | | Dưới 03 năm | 4 | | |
| **II** | **Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)** | | **60** | | |
| 1 | Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá | Trên 30 hồ sơ | 15 | | |
| | | Từ 20 đến 30 hồ sơ | 14 | | |

| STT | NỘI DUNG | TIÊU CHÍ LỰA CHỌN | ĐIỂM CHUẨN | ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| | | Dưới 20 hồ sơ | 13 | | |
| 2 | Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá | Không bị xử phạt vi phạm hành chính | 10 | | |
| | | Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính | 9 | | |
| | | Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khắc phục xong. | 8 | | |
| | | Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính | 0 | | |
| 3 | Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá | Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá | 5 | | |
| | | Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá | 4 | | |
| | | Từ 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá | 3 | | |
| 4 | Thời gian cam kết giả trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá | Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình | 10 | | |
| | | Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc | 9 | | |
| | | Trên 05 ngày làm việc | 8 | | |

| STT | NỘI DUNG | TIÊU CHÍ LỰA CHỌN | ĐIỂM CHUẨN | ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 5 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá | Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu | 10 | | |
| | | Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu | 9 | | |
| | | Không có phần mềm | 0 | | |
| 6 | Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố | Từ 80 điểm trở lên | 10 | | |
| | | Từ 70 đến dưới 80 điểm | 9 | | |
| | | Từ 60 đến dưới 70 điểm | 8 | | |
| **III** | **Năng lực tài chính** | | **15** | | |
| 1 | Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty | | 5 | | |
| 2 | Có cam kết biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây | Thấp nhất trong các hồ sơ đăng ký | 5 | | |
| | | Thấp thứ 2 | 4 | | |
| | | Thấp thứ 3 | 3 | | |
| | | Thấp thứ 4 | 2 | | |
| | | Thấp thứ 5 trở đi | 1 | | |
| 3 | Doanh thu bình quân từ dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất | Trên 5 tỷ/năm | 5 | | |
| | | Từ 3-5 tỷ/năm | 4 | | |
| | | Từ 1-3 tỷ/năm | 3 | | |
| | | Dưới 1 tỷ/năm | 2 | | |
| **IV** | **Tiêu chí khác** | | **10** | | |
| 1 | Doanh nghiệp mới khởi nghiệp | | 3 | | |
| 2 | Vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp | | 7 | | |